BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 442..QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	**Luật thương mại quốc tế** (International Trade Law)
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Ngành đào tạo:	**Luật kinh tế**
Mã ngành:	**7380107**
Chuyên ngành đào tạo:	**Luật thương mại quốc tế**
Ngôn ngữ đào tạo:	**Tiếng Việt**

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế đã được ban hành theo Quyết định số 106/QĐ-ĐHTM ngày 21/01/2022. Trong lần sửa đổi, bổ sung này có điều chỉnh tên và nội dung một số học phần Tiếng Anh như sau:

Học phần hiện nay		**Học phần điều chỉnh**	
Tên học phần	**Số TC**	**Tên học phần**	**Số TC**
Tiếng Anh chuyên ngành 1	2 (24,12)	Tiếng Anh thương mại 1	2 (24,12)
Tiếng Anh chuyên ngành 2	2 (24,12)	Tiếng Anh thương mại 2	2 (24,12)

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình Luật thương mại quốc tế là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân luật kinh tế, chuyên ngành luật thương mại quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và pháp luật nói chung; có năng lực chuyên môn sâu về pháp luật trong quản lý và kinh doanh thương mại quốc tế; có khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp và trong quản lý nhà nước về thương mại quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Đào tạo cử nhân luật kinh tế có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ cộng đồng;

- Đào tạo đội ngũ cử nhân luật kinh tế có kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế và pháp luật nói chung, đặc biệt là có những kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu về

pháp luật thương mại quốc tế;

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia có khả năng hoạch định, giải quyết, tham mưu, tư vấn các vấn đề về pháp luật thương mại quốc tế tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, tổ chức quốc tế; Đội ngũ pháp chế của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...; Đội ngũ nhà nghiên cứu, giảng viên cho các cơ sở đào tạo về pháp luật;

- Đào tạo đội ngũ cử nhân có năng lực làm việc độc lập, tự chủ và làm việc theo nhóm hiệu quả; có khả năng học tập suốt đời, học tiếp các chứng chỉ nghề nghiệp, theo học các chương trình đào tạo sau đại học về luật, kinh tế và quản trị kinh doanh.

3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

3.1. Yêu cầu về kiến thức:

(PLO1) Hiểu và phân tích được các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực pháp luật kinh tế nói chung và pháp luật thương mại quốc tế nói riêng dựa trên kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn, kiến thức nền về kinh tế và pháp luật;

(PLO2) Áp dụng kiến thức pháp lý chuyên ngành để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước về thương mại quốc tế và quản lý, kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng:

(PLO3) Kỹ năng phát hiện và giải quyết những vấn đề pháp lý phát sinh trong quản lý nhà nước về thương mại quốc tế, cũng như trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp;

(PLO4) Kỹ năng hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp đảm bảo tính pháp lý;

(PLO5) Kỹ năng lập và kiểm soát thể thức, nội dung pháp lý các giao dịch và hợp đồng thương mại quốc tế;

(PLO6) Kỹ năng tham gia giải quyết những khiếu nại, tranh tụng liên quan đến các vấn đề pháp lý về thương mại quốc tế;

(PLO7) Kỹ năng thực hiện các hoạt động tư vấn pháp luật và áp dụng pháp luật điều chỉnh các hoạt động kinh doanh thương mại quốc tế một cách độc lập;

(PLO8) Kỹ năng giao tiếp, truyền thông và thuyết phục hiệu quả các vấn đề pháp lý trong kinh tế và kinh doanh thương mại quốc tế.

(PLO9) Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

(PLO10) Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả;

(PLO11) Đề xuất được những giải pháp khắc phục hạn chế và hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực pháp luật về kinh tế và thương mại quốc tế;

(PLO12) Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức giữ gìn hình ảnh quốc gia; tác phong làm việc nghiêm túc;

(PLO13) Có khả năng tự cập nhật kiến thức, thông tin trong lĩnh vực chuyên môn đào tạo và chủ động xử lý các thông tin đó một cách hiệu quả.

3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO14) Đạt chuẩn tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO15) Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tín chỉ)*:* 131 TC (*trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh*).

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo: Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang http://dangky.tmu.edu.vn để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên

6.2. Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

e) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

7. Phương thức đánh giá: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

8. Nội dung chương trình đào tạo

8.1. Khung chương trình đào tạo

STT	KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN	Mã học phần	Số TC	Cấu trúc học phần
1	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**		**41**	
1.1	**Giáo dục đại cương**		**30**	
1.1.1	***Các học phần bắt buộc***		**28**	
1	Triết học Mác – Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMI0121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMI0111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCMI0131	2	21,18
6	Tiếng Anh 1	ENTH1411	2	24,12
7	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12

8	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
9	Tin học quản lý	INFO0311	3	36,18
10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
11	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
12	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
1.1.2	**Các học phần tự chọn:** *Chọn 2 TC trong các HP sau:*			
1	Cơ sở văn hoá Việt Nam	ENTI0111	2	24,12
2	Logic học	MLNP0911	2	24,12
3	Lịch sử kinh tế Việt Nam	HCMI0521	2	24,12
1.2	**Giáo dục thể chất**			
1.2.1.	***Các học phần bắt buộc***		**1**	
	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	***Các học phần tự chọn:*** *Chọn 2TC trong các HP sau:*		**2**	
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC1721	1	12,18
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
1.3	**Giáo dục quốc phòng - an ninh**		**8**	
2	**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**		**90**	
2.1	**Kiến thức cơ sở ngành**		**29**	
2.1.1	***Các học phần bắt buộc***		**18**	
1	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	BLAW0511	3	36,18
2	Luật dân sự 1	BLAW2111	3	36,18
3	Luật dân sự 2	BLAW2221	2	24,12
4	Luật hiến pháp	BLAW0621	3	36,18
5	Luật hành chính	BLAW2511	3	36,18
6	Tiếng Anh thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2	***Các học phần tự chọn:*** *Chọn 11 TC trong các HP sau:*		**11**	
1	Luật so sánh	BLAW1911	2	24,12
2	Xây dựng văn bản pháp luật	PLAW2311	2	24,12
3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	BLAW2411	3	36,18
4	Luật hình sự	BLAW2621	3	36,18
5	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
6	Kinh tế thương mại đại cương	TECO0111	2	24,12

7	Nhập môn Tài chính – Tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
8	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
9	Kinh tế quốc tế 1	FECO1711	3	36,18
10	Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	BKSC2411	3	36,18
2.2	**Kiến thức ngành và chuyên ngành**		**39**	
2.2.1	***Các học phần bắt buộc***		**28**	
1	Công pháp quốc tế	BLAW2711	2	24,12
2	Tư pháp quốc tế	PLAW3211	2	24,12
3	Luật kinh tế	PLAW4411	3	36,18
4	Luật thương mại quốc tế 1	BLAW3611	3	36,18
5	Luật thương mại quốc tế 2*	BLAW3721	3	34,12,5
6	Pháp luật về đầu tư	PLAW3411	3	36,18
7	Luật sở hữu trí tuệ	PLAW2211	2	24,12
8	Trọng tài thương mại quốc tế	BLAW3811	2	24,12
9	Pháp luật về cạnh tranh	PLAW3711	3	36,18
10	Pháp luật về phòng vệ thương mại *	PLAW4521	3	34,12,5
11	Luật tố tụng dân sự	BLAW1421	2	24,12
2.2.2.	***Các học phần tự chọn:*** *Chọn 11 TC trong các HP sau:*		**11**	
1	Pháp luật về đấu thầu	BLAW3521	2	24,12
2	Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế	BLAW4111	3	36,18
3	Luật kinh doanh bảo hiểm	PLAW2711	2	24,12
4	Luật thương mại điện tử	PLAW1411	2	24,12
5	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	PLAW3911	2	24,12
6	Pháp luật về thuế	PLAW4011	2	24,12
7	Pháp luật hải quan	PLAW4111	3	36,18
8	Kỹ năng thực hành pháp luật	BLAW4211	3	0,90
9	Pháp luật môi trường quốc tế	PLAW4211	3	36,18
10	Pháp luật về dịch vụ phân phối	PLAW4311	2	24,12
2.3	**Kiến thức bổ trợ**		**12**	
2.3.1	***Các học phần bắt buộc***		**6**	
1	Nguyên lý quản lý kinh tế	TECO2031	3	36,18
2	Kiểm toán căn bản	FAUD0411	3	36,18
2.3.2	*Các học phần tự chọn:* *Chọn 6 TC trong các HP sau:*		6	
1	Thống kê kinh doanh	ANST1211	3	36,18
2	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
3	Kinh tế đầu tư	FECO2021	3	36,18
4	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18

5	Quản lý nhà nước về thương mại	TECO1011	3	36,18
2.4	**Thực tập tổng hợp và làm khóa luận tốt nghiệp**		**10**	
2.4.1	***Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp***	REPF1311	**3**	0,90
2.4.2	***Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp***	LVVF1611	7	0,210

Ghi chú:

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

*- Học phần có dấu * là học phần có báo cáo thực tế*

8.2. Mô tả các học phần (phụ lục kèm theo)

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	**12-13TC**
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	**15-16TC**
3	KỲ HÈ NĂM NHẤT	**GD QP&AN**	**08 TC**
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	**16-17 TC**
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	và 3-6TC
		Tổng cộng	**15-17 TC**
6	KỲ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	12-15 TC
		GDTC	01 TC
		Tổng cộng	**15-17TC**
7	KỲ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	**16-17TC**

8	KỲ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	**16-18TC**
9	KỲ VIII	Thực tập và làm tốt nghiệp cuối khóa	**10TC**
10	**TỔNG CỘNG**		**131TC**

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	
PGS,TS Nguyễn Hoàng	**TS. Nguyễn Thị Tình**

PHỤ LỤC
MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Triết học Mác – Lênin: Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2. Chủ nghĩa xã hội khoa học: Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin: Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa; vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư); quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai

cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

6. Tiếng Anh 1: Học phần *"Tiếng Anh 1"* gồm 4 bài đầu của giáo trình *"Life (A2-B1)"* của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần trang bị cho sinh viên các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến các chủ điểm khác nhau. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày ở trình độ Anh ngữ A1+. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều quốc gia trên thế giới.

7. Tiếng Anh 2: Học phần *"Tiếng Anh 2"* sử dụng bài 5, 6, 7, 8 trong giáo trình *"Life (A2-B1)"* của John Huges, Helen Stephenson và Paul Dummett (Vietnam edition, 2nd edition). Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến một số chủ điểm. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, rèn tư duy phản biện và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội ở trình độ Anh ngữ A2. Ngoài ra giáo trình cũng cung cấp cho người học những kiến thức về văn hoá của nhiều nước trên thế giới.

8. Tiếng Anh 3: Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn "Life" – trình độ Pre-Intermediate. Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức theo chủ điểm: kỳ nghỉ, sản phẩm, lịch sử và tự nhiên. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời quá khứ hoàn thành, câu hỏi chủ ngữ, bị động, câu tường thuật, câu điều kiện loại 2. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể nêu ý kiến, thuyết trình, đưa ra yêu cầu và gợi ý, nêu giải pháp; viết email yêu cầu, bài đánh giá, tiểu sử, bài báo và giao tiếp theo các chủ điểm đã được học.

9. Tin học quản lý: Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu,… Ngoài ra đây là học phần phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS- Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint), Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) và mạng máy tính.

10. Phương pháp nghiên cứu khoa học: Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

11. Kinh tế vi mô 1: Kinh tế vi mô là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành, cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô. Học phần cung cấp cho người học phương pháp và công cụ nghiên cứu các vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu, giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường các yếu tố sản xuất. Thêm vào đó, học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ, là cơ sở và nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu các lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh.

12. Kinh tế vĩ mô 1: Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế vĩ mô với mô hình AD – AS. Sau đó là đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như sản lượng, việc làm, giá cả… Tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Kế đến học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế với các mối quan hệ của thất nghiệp và lạm phát trong ngắn hạn và dài hạn. Cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở với thị trường trường ngoại hối và tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ đến các mục tiêu kinh tế vĩ mô.

13. Cơ sở văn hóa Việt Nam: Học phần Cơ sở văn hoá Việt Nam thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bắt buộc của chuyên ngành Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (thuộc chương trình đào tạo theo cơ chế đặc thù); tự chọn cho các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn và Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (trình độ đại học chính quy). Học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các chuyên ngành: Luật kinh tế, Quản trị nhân lực, Tiếng Pháp Thương mại, Tiếng Trung thương mại và Tiếng Anh Thương mại. Nội dung học phần bao gồm: khái quát về cơ sở văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; văn hóa các vùng Tây Bắc, Việt Bắc, Châu thổ Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ.

14. Logic học: Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy đúng đắn nhằm nhận thức đúng thế giới hiện thực khách quan. Học phần trang bị cho sinh viên

những kiến thức căn bản và có hệ thống về các hình thức tồn tại của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và các quy luật logic hình thức cơ bản của tư duy như: Luật đồng nhất; Luật cấm mâu thuẫn; Luật bài trung; Luật lý do đầy đủ. Từ đó, sinh viên hình dung được một cách cụ thể vai trò và tác động của tư duy lôgíc trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi logic của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác, chặt chẽ và vận dụng nó trong việc lĩnh hội các khoa học khác.

15. Lịch sử kinh tế Việt Nam: Nội dung học phần gồm 7 chương, trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và vai trò, ý nghĩa của học phần. Từ chương 2 đến chương 7, giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của nền kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: Tiền phong kiến và phong kiến (từ nguyên thuỷ đến năm 1858), thực dân Pháp thống trị (1858-1945), kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kinh tế cả nước thời kỳ 1955-1975, kinh tế thời kỳ trước đổi mới (1976-1985) và kinh tế trong 30 năm đổi mới (1986-2016).

16. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về nhà nước và pháp luật, cụ thể gồm: Những vấn đề lí luận cơ bản về nhà nước và pháp luật; Các kiểu Nhà nước và pháp luật trong lịch sử (chủ nô và phong kiến; tư sản; xã hội chủ nghĩa); Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Những vấn đề pháp lý liên quan đến quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật; Vấn đề ý thức pháp luật và thực hiện pháp luật; Vấn đề vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý).

17. Luật dân sự 1: Luật Dân sự 1 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý về dân sự như hệ thống các khái niệm về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, nguyên tắc của luật dân sự...; quan hệ pháp luật dân sự và một số chế định pháp lý cơ bản của đời sống dân sự như: giao dịch dân sự; đại diện; thời hạn và thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản; quyền thừa kế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

18. Luật dân sự 2: Luật Dân sự 2 là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các chế định pháp lý cơ bản của lĩnh vực dân sự như: nghĩa vụ dân sự; bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; nghĩa vụ ngoài hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại

ngoài hợp đồng. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

19. Luật hiến pháp: Luật Hiến pháp là học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành luật kinh tế. Đây là học phần chuyên ngành tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong lĩnh vực lập hiến và xây dựng bộ máy nhà nước Việt Nam gồm: Lịch sử hình thành và phát triển của Hiến pháp Việt Nam; Các chế định cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của Hiến pháp hiện hành.

20. Luật hành chính: Đây là học phần thuộc bắt buộc của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và học phần tự chọn của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý kinh tế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về quản lí hành chính nhà nước. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về Quy phạm pháp luật hành chính và Quan hệ pháp Luật hành chính; Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước; hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Quyết định hành chính; Địa vị pháp lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức nhà nước; Địa vị pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Địa vị pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

21. Tiếng Anh thương mại 1: Học phần Tiếng Anh thương mại 1 được xây dựng dựa trên cuốn "Business Partner - B1" (bài 1-4). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm: sự lựa chọn nghề nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, dự án và thị trường toàn cầu. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: trạng từ chỉ mức độ, thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai đơn, tính từ so sánh, câu bị động. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xây dựng mối quan hệ thông qua cuộc hội thoại ngắn, thảo luận trong cuộc họp, để lại lời nhắn qua hộp thư thoại, đưa ra chỉ dẫn, hỏi thông tin, thảo luận với khách hàng để đạt được thỏa thuận; viết email giới thiệu, thư yêu cầu cập nhật thông tin, thư xác nhận đơn đặt hàng.

22. Tiếng Anh thương mại 2: Học phần Tiếng Anh thương mại 2 được xây dựng dựa trên cuốn "Business Partner - B1" (bài 5-8). Học phần gồm 4 bài cung cấp nội dung kiến thức tiếng Anh sử dụng trong môi trường kinh doanh thương mại theo các chủ điểm:

thiết kế và đổi mới, an toàn và an ninh, dịch vụ khách hàng và giao tiếp. Học phần cũng cung cấp cho người học các chủ điểm ngữ pháp gồm: thời hiện tại hoàn thành, quá khứ hoàn thành, các động từ tình thái, cấu trúc động từ + to-infinitive/ -ing, câu điều kiện loại một và hai. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể thuyết trình giới thiệu sản phẩm, giải quyết tranh chấp, trình bày ý tưởng, giải quyết lời phàn nàn của khách hàng; viết đánh giá, nhận xét về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng thiết bị, thư cảm ơn và một báo cáo ngắn.

23. Luật so sánh: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các hệ thống pháp luật trên thế giới làm nền tảng cho việc nghiên cứu về chuyên ngành luật nói chung và chuyên ngành luật kinh tế nói riêng , cụ thể là: những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh; Sự hình thành và phát triển của các hệ thống pháp luật đặc trưng trên thế giới; Các loại nguồn luật, cách thức áp dụng các nguồn luật khác nhau trong các hệ thống pháp luật; Hệ thống toà án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của toà án ở một số nước đặc trưng trên thế giới.

24. Xây dựng văn bản pháp luật: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những những nội dung cơ bản sau: Những vấn đề chung về văn bản pháp luật và xây dựng văn bản pháp luật; xác định các loại văn bản pháp luật và hiệu lực của các văn bản pháp luật; Quy trình xây dựng, soạn thảo văn bản pháp luật, Xác định các yêu cầu về thể thức, ngôn ngữ, nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật và văn bản hành chính; Kiểm tra rà soát và xử lý các văn bản pháp luật có khiếm khuyết.

25. Lịch sử nhà nước và pháp luật: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu hai nội dung chính là lịch sử nhà nước pháp luật Thế giới và lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới sẽ nghiên cứu tập trung vào sự hình thành và phát triển của các kiểu Nhà nước và Pháp luật chiếm hữu nô lệ, Nhà nước và pháp luật phong kiến, Nhà nước và pháp luật Tư sản, Nhà nước và pháp luật Xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Phần lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam sẽ nghiên cứu tập trung một số nội dung cơ bản sau: Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam qua các giai đoạn: giai đoạn chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc, Nhà nước và pháp luật phong kiến Đại Việt, Nhà nước và pháp luật thời thuộc Pháp, Nhà nước và pháp luật từ Cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay.

26. Công pháp quốc tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp những kiến

thức cả bản về luật quốc tế, cụ thể là: Các nguyên tắc pháp lý cơ bản của Công pháp quốc tế, các loại chủ thể của Quan hệ pháp luật quốc tế (Quốc gia, Tổ chức quốc tế liên chính phủ, các dân tộc có quyền tự quyết); Vấn đề dân cư và lãnh thổ trong luật quốc tế; Vấn đề giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật quốc tế; Vấn đề vi phạm nghĩa vụ quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế của các chủ thể trong quan hệ quốc tế.

27. Thương mại điện tử căn bản: Học phần Thương mại điện tử căn bản là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Thương mại điện tử và một số ngành trong khối ngành Kinh doanh và quản lý. Môn học trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

28. Kinh tế thương mại đại cương: Học phần Kinh tế thương mại đại cương thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chuyên ngành quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong trường. Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như bản chất kinh tế, chức năng, và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại

29. Nhập môn Tài chính – Tiền tệ: Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

30. Khởi sự kinh doanh: Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

31. Kinh tế quốc tế: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

32. Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu bao gồm: phương tiện thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán quốc tế, phương thức thanh toán quốc tế và các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu.

33. Luật thương mại quốc tế 1: Là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về Luật thương mại quốc tế có sự tham gia của các quốc gia gồm các thiết chế điều chỉnh thương mại quốc tế, thương mại hàng hóa quốc tế, thương mại dịch vụ quốc tế, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ, đầu tư nước ngoài trong thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các quốc gia. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

34. Luật thương mại quốc tế 2: Là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Học phần trang bị cho người học những kiến thức pháp luật cơ bản điều chỉnh quan hệ hợp đồng thương mại quốc tế giữa các thương nhân; một số giao dịch trong kinh doanh thương mại quốc tế giữa các thương nhân như mua bán hàng hóa quốc tế, vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế, nhượng quyền thương mại quốc tế; về giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

35. Luật kinh tế: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần bắt buộc hoặc tự chọn của các chương trình đào tạo chuyên ngành khác tại Trường đại học Thương mại. Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành

lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

36. Pháp luật về đầu tư: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu các qui định của pháp luật Việt Nam về bảo đảm, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; thủ tục thực hiện các hoạt động đầu tư trong nước và ra nước ngoài; nghiên cứu pháp luật đầu tư quốc tế bao gồm các biện pháp bảo hộ đầu tư, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

37. Luật sở hữu trí tuệ: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân trong xã hội, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan; về quyền sở hữu công nghiệp; về quyền đối với giống cây trồng; về vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

38. Kỹ năng thực hành pháp luật: Kỹ năng thực hành pháp luật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghề luật; đạo đức và ứng xử trong nghề luật; thu thập thông tin, quản lý hồ sơ vụ việc; nghiên cứu hồ sơ vụ việc, xác định giải pháp giải quyết vụ việc; đàm phán và soạn thảo hợp đồng; tranh luận; soạn thảo thư tư vấn và bài biện hộ. Việc nghiên cứu, giảng dạy học phần này nhằm giúp người học tiếp cận, hiểu và nâng cao nhận thức về thực hành pháp luật.

39. Pháp luật hải quan: Pháp luật hải quan là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu các qui định của pháp luật hải quan bao gồm các nội dung về thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công sản xuất hàng hóa xuất khẩu, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm pháp luật. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

40. Pháp luật về cạnh tranh: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức

chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật cạnh tranh, bao gồm những vấn đề về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, hành vi tập trung kinh tế, hành vi cạnh tranh không lành mạnh và xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

41. Tư pháp quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế tại Trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu kiến thức cơ bản về tư pháp quốc tế bao gồm những vấn đề về xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong tư pháp quốc tế. Học phần cũng đi sâu nghiên cứu những quy định chuyên biệt của tư pháp quốc tế Việt Nam trong một số quan hệ cụ thể như hôn nhân và gia đình, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, … Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

42. Pháp luật về phòng vệ thương mại: Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

43. Pháp luật về đấu thầu: Pháp luật đấu thầu là học phần tự chọn thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương Mại Quốc tế. Học phần nghiên cứu các kiến thức pháp lý cơ bản về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu ở Việt nam, quan hệ pháp lí giữa các quốc gia cũng như hoạt động thương mại quốc tế của các thương nhân trong lĩnh vực đấu thầu. Nội dung của học phần gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành và những học phần chuyên ngành khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này.

44. Pháp luật về vận tải hàng hóa quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế của trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về vận tải hàng hoá quốc tế quốc tế; các loại hình vận tải hàng hoá quốc tế cụ thể như: vận tải biển quốc tế, vận tải hàng không quốc tế, vận tải đường bộ, đường sắt quốc tế và vận tải đa phương thức quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật thương mại quốc tế nhằm giúp người học có

kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này

45. Trọng tài thương mại quốc tế: Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài thương mại, các khía cạnh pháp lý liên quan đến luật áp dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp, quyết định trọng tài, công nhận và thi hành Trọng tài thương mại quốc tế; nghiên cứu tổ chức, hoạt động của một số tổ chức trọng tài thương mại quốc tế trên thế giới và trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật này

46. Luật kinh doanh bảo hiểm: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về hợp đồng bảo hiểm nói chung và đi sâu vào một số hợp đồng bảo hiểm cơ bản gồm: hợp đồng bảo hiểm con người; hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó học phần cũng đi sâu nghiên cứu pháp luật về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tương hỗ, đại lý bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

47. Luật thương mại điện tử: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và của chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử tại trường đại học Thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý cơ bản về thương mại điện tử, trong đó nghiên cứu pháp luật điều chỉnh về hợp đồng thương mại điện tử, website thương mại điện tử; xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và chương trình đào tạo Quản trị thương mại điện tử nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

48. Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo Luật Thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu về pháp luật bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, bao gồm những nội dung về quyền, nghĩa vụ của người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng, bảo vệ người tiêu dùng trong các hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong các giao dịch xuyên biên giới, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các phương

thức giải quyết các tranh chấp giữa người tiêu dùng và cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

49. Pháp luật về thuế: Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Thương mại quốc tế. Cụ thể, học phần tập trung nghiên cứu về các qui định pháp luật trong quá trình thu nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động thương mại của thương nhân như: xác định đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, cơ quan có thẩm quyền thu thuế, phương pháp và căn cứ tính thuế, nguyên tắc đánh thuế, các vấn đề miễn giảm thuế và trình tự thủ tục nộp thuế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

50. Luật hình sự: Học phần nghiên cứu những lý luận cơ bản nhất của Luật Hình sự về Tội phạm, Hình phạt và một số tội phạm cụ thể: Học phần tập trung nghiên cứu những nội dung sau: Bản chất tội phạm; Cấu thành tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự của chủ thể tội phạm nói chung và Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp khác; Quyết định hình phạt; Chấp hành hình phạt. Ngoài ra học phần cũng giới thiệu những vấn đề chung và cấu thành chi tiết của một số tội phạm cụ thể trong các nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; xâm phạm quyền sở hữu; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế…

51. Luật tố tụng dân sự: Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng pháp lý cơ bản về lĩnh vực tố tụng dân sự. Đây là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế. Cụ thể, học phần bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời, cấp, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục giải quyết việc dân sự. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần có tính chuyên sâu khác trong chương trình đào tạo chuyên ngành Luật Kinh tế và là học phần có tính bổ trợ nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về pháp luật kinh tế.

52. Pháp luật môi trường quốc tế: Đây là học phần tự chọn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật môi trường quốc tế, đặc biệt

tập trung nghiên cứu một số lĩnh vực điều chỉnh cơ bản của pháp luật môi trường quốc tế, bao gồm: Môi trường biển; Khí quyển; Đa dạng sinh học. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về giải quyết các tranh chấp quốc tế về môi trường. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

53. Pháp luật về dịch vụ phân phối: Đây là học phần tự chọn thuộc kiến thức ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế. Học phần tập trung nghiên cứu thực tiễn quy định của pháp luật Việt Nam về dịch vụ phân phối, đặc biệt đi sâu vào quy định của pháp luật về ngành nghề kinh doanh dịch vụ phân phối, chủ thể kinh doanh, điều kiện kinh doanh dịch vụ phân phối, về nội dung và hình thức của hợp đồng phân phối, luật điều chỉnh hợp đồng phân phối. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học có kiến thức toàn diện về lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế.

54. Nguyên lý quản lý kinh tế: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản lý kinh tế. Nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản, có tính chất nguyên lý về lược sử các tư tưởng kinh tế; bản chất, đặc điểm, vai trò của quản lý kinh tế; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý kinh tế chủ yếu; cơ cấu tổ chức bộ máy và vấn đề cán bộ quản lý kinh tế; thông tin và quyết định quản lý kinh tế.

55. Kiểm toán căn bản: Học phần Kiểm toán căn bản cung cấp kiến thức lý luận cơ bản về kiểm toán như: phân loại kiểm toán, các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán, qui trình và phương pháp kiểm toán, tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

56. Thống kê kinh doanh: Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức của thống kê kinh tế như: Đối tượng nghiên cứu, hệ thống tài khoản quốc gia; thống kê các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực của nền kinh tế quốc dân và việc sử dụng các nguồn lực này; thống kê kết quả sản xuất thông qua chỉ tiêu gía tri sản xuất, tổng sản phẩm trong nước; thống kê ngân sách nhà nước, tiền tệ và tín dụng.

57. Kinh doanh quốc tế: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần tiếp tục nghiên cứu những phương thức thâm nhập thị trường, cơ sở lựa chọn và thời điểm lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu một số hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một

số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.

58. Kinh tế đầu tư: Học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo kinh tế, quản lý kinh tế và các chuyên ngành khác trong Trường. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến lĩnh vực đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cụ thể học phần giới thiệu những vấn đề chung về đầu tư và đầu tư phát triển, các nguồn vốn đầu tư, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung của đầu tư công, đầu tư quốc tế và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư.

59. Quản trị chuỗi cung ứng: Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

60. Quản lý nhà nước về thương mại: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản của quản lý nhà nước đối với các loại hình và hoạt động thương mại. Nội dung chính của học phần bao gồm: bản chất, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước về thương mại; Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý; các nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về thương mại; nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về thương mại; các quan điểm và phương hướng đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với thương mại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.